

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 514/2022/DS- ST

Ngày: 29/9/2022

V/v: *Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Mai Thị Hoài.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Võ Văn Tốt.

2. Ông Nguyễn Văn Quân.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Mạnh Khôi – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12 tham gia phiên tòa:** Bà **Lường Thị Lan** - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 14/2022/TLST-DS ngày 06/4/2022 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 764/2022/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 873/2022/QĐST- DS ngày 08 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Bùi Quốc K, sinh năm 1966;

Địa chỉ: Phường 14, Quận a, Thành phố Hồ Chí Minh;

Ông K có đơn xin vắng mặt.

- Bị đơn: Bà Phạm Thị C, sinh năm: 1978;

Địa chỉ: khu phố 5, phường Đ, Quận a, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 29/4/2021 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn ông Bùi Quốc K trình bày:*

Ông Bùi Quốc K và bà Phạm Thị C có mối quan hệ quen biết nhau do đó, ông K cho bà C vay tiền theo hai hợp đồng gồm “Hợp đồng kiêm giấy nhận nợ tiền vay” ngày 06/01/2016 số tiền là 11.500.000 đồng, lãi suất 2%/tháng, trả góp hàng tháng 200.000 đồng tiền gốc cho đến khi trả hết nợ, thời hạn vay là 05 năm, hạn cuối trả là ngày 06/01/2021 và “Hợp đồng kiêm giấy nhận nợ tiền vay” ngày 03/02/2016 số tiền là 68.650.000 đồng, lãi suất 2%/tháng, trả góp hàng

tháng 1.000.000 đồng tiền gốc cho đến khi trả hết nợ, thời hạn vay là 05 năm, hạn cuối trả nợ là ngày 03/02/2021.

Sau khi vay tiền, bà C đã trả nợ gốc cho ông K , cụ thể: Hợp đồng ngày 06/01/2016, bà C đã trả được 02 tháng tiền nợ gốc với số tiền là 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng), Hợp đồng ngày 03/02/2016 bà C đã trả được 08 tháng tiền nợ gốc là 8.450.000 đồng (Tám triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng).

Ông K đã nhiều lần liên hệ yêu cầu bà C thanh toán số tiền nợ nhưng bà C không trả nợ và cố tình lẩn tránh.

Từ lúc vay tiền cho đến nay, bà C không trả tiền lãi cho ông K . Hợp đồng các bên quy định lãi 2%/tháng, tuy nhiên ông K yêu cầu bà C trả lãi với mức lãi suất 13,5%/1 năm.

Đối với hợp đồng ngày 06/01/2016: số tiền gốc còn là 11.000.000 đồng, tiền lãi tính từ ngày vay 06/02/2016 đến 29/9/2022 là 11.000.000 đồng x 13,5%/12 tháng x 80 tháng = 9.900.000 đồng

Đối với hợp đồng ngày 03/02/2016: số tiền gốc còn là 60.200.000 đồng, tiền lãi tính lãi từ ngày 03/3/2016 đến ngày 29/9/2022 là 60.200.000 đồng x 13,5%/12 tháng x 78 tháng = 52.825.000 đồng.

Nay ông K yêu cầu bà C phải trả cho ông K tổng số tiền tạm tính đến ngày 29/9/2022 là 133.925.000 đồng ( Một trăm ba mươi ba triệu chín trăm hai mươi ba nghìn đồng), trong đó nợ gốc là 71.200.000 đồng và nợ lãi là 62.825.000 đồng. Yêu cầu bà C trả một lần ngay sau khi bản án hoặc quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Số tiền ông K cho bà C vay là tài sản riêng của ông K , không liên quan đến ai khác.

Khi bà C vay tiền của ông K thì chỉ có bà C đứng ra vay, ông K chỉ yêu cầu bà Phạm Thị C trả số tiền vay.

Ngày 19/8/2022 ông Bùi Quốc K có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

*Đối với bị đơn bà Phạm Thị C:*

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, không khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập đương sự tham gia tố tụng theo quy định; nhưng bà Phạm Thị C vắng mặt không có lý do, không thể hiện ý kiến của mình bằng bất cứ văn bản nào nên vụ án không tiến hành hòa giải được và được đưa ra xét xử công khai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12 phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật như sau:

- Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Tòa án nhân dân Quận 12, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về tố tụng. Việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự đều đã được thực hiện đúng quy định nên việc xét xử vắng mặt các đương sự vừa nêu là phù hợp với quy định của pháp luật.

Tuy nhiên Quyết định đưa vụ án ra xét xử chưa đảm bảo thời hạn theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả tổng số tiền tạm tính đến ngày 29/9/2022 là 133.925.000 đồng (Một trăm ba mươi ba triệu chín trăm hai mươi lăm nghìn đồng), trong đó nợ gốc là 71.200.000 đồng và nợ lãi là 62.825.000 đồng.

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Ông Nguyễn Quốc Khánh khởi kiện yêu cầu bà Phạm Thị C trả số tiền còn nợ theo Hợp đồng kiêm giấy nhận nợ tiền vay ngày 06/01/2016 và Hợp đồng kiêm giấy nhận nợ tiền vay ngày 03/02/2016 mà các bên đã ký, đây là quan hệ “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”; bị đơn hiện cư trú tại phường Đông Hưng Thuận, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] *Về việc xét xử vắng mặt đương sự:*

- Về việc xét xử vắng mặt nguyên đơn: Ngày 19/8/2022 nguyên đơn ông Bùi Quốc K có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Xét thấy yêu cầu vắng mặt của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về việc xét xử vắng mặt bị đơn: Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt và niêm yết các văn bản tố tụng đúng quy định, nhưng bà Phạm Thị C không đến Tòa án trong cả hai lần được Tòa án triệu tập mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và hai lần Tòa án mở phiên tòa xét xử. Do vậy việc xét xử vắng mặt bà Phạm Thị C là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[3] *Về nội dung:*

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả một lần tổng số tiền tạm tính đến ngày 29/9/2022 là 133.925.000 đồng ( Một trăm ba mươi ba triệu chín trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

[3.1] Căn cứ vào “Hợp đồng kiêm giấy nhận nợ tiền vay” ngày 06/01/2016 và “Hợp đồng kiêm giấy nhận nợ tiền vay” ngày 03/02/2016 giữa ông Bùi Quốc K và bà Phạm Thị C có cơ sở để xác định bà C có vay của ông K tổng số tiền là 80.150.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà C đã trả được tổng số tiền là 8.950.000 đồng nợ gốc và không trả được tiền lãi.

Giao dịch giữa hai bên được xác định là hợp đồng vay tài sản và có lãi; có kỳ hạn. Hợp đồng được giao kết trên cơ sở tự nguyện nên có giá trị pháp lý phù hợp

với các quy định tại Điều 117, Khoản 2 Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015, ràng buộc các bên phải có nghĩa vụ thực hiện.

Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định “*Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định*”.

Quá thời hạn thanh toán theo thỏa thuận, nhưng bà C không trả số tiền đã vay cho ông K là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3.2] Theo kết quả xác minh của Công an phường Đông Hưng Thuận, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh: “Đương sự Phạm Thị C, sinh năm 1978, có hộ khẩu thường trú tại khu phố 5, phường Đông Hưng Thuận, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh...”. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Phạm Thị C đã được tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, trong đó nêu rõ yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả nợ nhưng bị đơn không có ý kiến phản đối yêu cầu của nguyên đơn. Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 (BLTTDS) thì một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh. Do bà C không phản đối yêu cầu và chứng cứ mà bên nguyên đơn đưa ra nên coi như bà C chấp nhận yêu cầu trên của nguyên đơn.

[3.3] *Về tiền lãi*: Căn cứ vào “Hợp đồng kiêm giấy nhận nợ tiền vay” ngày 06/01/2016 và “Hợp đồng kiêm giấy nhận nợ tiền vay” ngày 03/02/2016 giữa ông Bùi Quốc K và bà Phạm Thị C đều thể hiện lãi suất cho vay là 2%/tháng.

Điều 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định: “*Lãi suất vay do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 150% của lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố đối với loại cho vay tương ứng*”. Căn cứ Quyết định 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam thì mức lãi suất cơ bản là 9%/năm (tương ứng 150% là 13,5%/năm. Nay nguyên đơn yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 13.5%/năm, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của nguyên đơn phù hợp với quy định của pháp luật nên có cơ sở chấp nhận.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà C đã trả nợ gốc cho ông K, cụ thể: Hợp đồng ngày 06/01/2016, bà C đã trả được 02 tháng tiền nợ gốc với số tiền là 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng), còn nợ 11.000.00 đồng, Hợp đồng ngày 03/02/2016 bà C đã trả được 08 tháng tiền nợ gốc là 8.450.000 đồng (Tám triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng), còn nợ 60.200.000 đồng. Tổng số tiền nợ gốc bà C còn nợ ông K là 71.200.000 đồng.

Ông K yêu cầu bà C trả lãi với lãi suất 13,5%/năm:

- Đối với hợp đồng ngày 06/01/2016: số tiền gốc còn là 11.000.000 đồng, tiền lãi tính từ ngày vay 06/02/2016 đến 29/9/2022 là 11.000.000 đồng x 13,5%/12 tháng x 80 tháng = 9.900.000 đồng
- Đối với hợp đồng ngày 03/02/2016: số tiền gốc còn là 60.200.000 đồng, tiền lãi tính từ ngày 03/3/2016 đến ngày 29/9/2022 là 60.200.000 đồng x 13,5%/12 tháng x 78 tháng = 52.825.000 đồng.

Tổng số tiền lãi của hai Hợp đồng trên là: 62.725.000 đồng

[4] *Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh:* Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền tính đến ngày 29/9/2022 là 133.925.000 đồng (Một trăm ba mươi ba triệu chín trăm hai mươi lăm nghìn đồng); trong đó, số tiền gốc còn nợ là 71.200.000 đồng (Bảy mươi một triệu hai trăm nghìn đồng) và số tiền lãi là 62.725.000 đồng (Sáu mươi hai triệu bảy trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

[5] *Về án phí:* Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92; Điều 227; Điều 228; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 290, Điều 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005;
- Căn cứ Điều 117, 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 26 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014);
- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Quốc K đối với bà Phạm Thị C về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

2. Buộc bà Phạm Thị C có trách nhiệm trả cho ông Bùi Quốc K tổng số tiền tạm tính đến ngày 29/9/2022 là 133.925.000 đồng (Một trăm ba mươi ba triệu chín trăm hai mươi lăm nghìn đồng); trong đó, số tiền gốc còn nợ là 71.200.000 đồng (Bảy mươi một triệu hai trăm nghìn đồng) và số tiền lãi là 62.725.000 đồng (Sáu mươi hai triệu bảy trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

Bà Phạm Thị C chịu án phí dân sự sơ thẩm là 6.696.250 đồng (sáu triệu sáu trăm chín mươi sáu nghìn hai trăm năm mươi đồng).

Hoàn lại cho ông Bùi Quốc K số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.326.000 đồng (mười hai triệu ba trăm hai mươi sáu nghìn) theo các Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0022557 ngày 10/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Các quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014). Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

**Nơi nhận:**

- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 12;
- Chi cục THADS Quận 12;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Mai Thị Hoài**